

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BA ĐỒN
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2024/DSST - ST
Ngày: 15 - 5 - 2024
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Công Nghĩa và ông Võ Xuân Vinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kiều Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoài S - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 76/2023/TLST-TCDS ngày 05 tháng 12 năm 2023, về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2024/QĐXXST-TCDS, ngày 18 tháng 03 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng T; địa chỉ: tháp BIDV, 194 Trần Quang Khải, quận H, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Thanh H, chức vụ: Giám đốc chi nhánh Bắc Quảng Bình.

Người được ủy quyền lại: Bà Nguyễn Thị T- Phó trưởng Phòng quản lý rủi ro Ngân hàng T; địa chỉ: 332A Quang Trung, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Hoàng Thị Đ, sinh năm 1960;

Nơi cư trú: thôn V, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Hoàng Văn V, sinh năm 1990; anh Hoàng Văn Đ, sinh năm 2009; anh Hoàng Văn A, sinh năm 1994; chị Hoàng Thị G, sinh năm 2003; chị Hoàng Thị B, sinh năm 1992

Cùng cư trú: thôn V, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/7/2023, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng T trình bày:*

Ngày 16/10/2019, ông Hoàng N và bà Hoàng Thị Đ đã ký với Ngân hàng T (ngân hàng BIDV) - Chi nhánh Bắc Quảng Bình - Phòng giao dịch Hoà Ninh, Hợp đồng tín dụng số 01/2019/13138262/HĐTD để vay số tiền 400.000.000 đồng; thời hạn vay: 60 tháng; mục đích: thanh toán tiền mua sắm trang thiết bị trong gia đình; lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm ký kết hợp đồng là 10.5%/năm. Ngày 18/10/2019, ông Hoàng Nhân và bà Hoàng Thị Đ đã rút vốn vay số tiền 400.000.000 đồng.

Để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của mình, ông Hoàng N và bà Hoàng Thị Đ đã sử dụng Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số L716009, số phát hành: L 716009, số vào sổ cấp GCN: 00023QSĐĐ/366QĐ/UB do UBND huyện Quảng Trạch cấp ngày 11/04/2000 cho ông Hoàng N, theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2019/13138262/HĐBĐ ngày 16 tháng 10 năm 2019 và Hợp đồng ủy quyền xử lý tài sản số 01/2019/3138262/HĐUQ ngày 16 tháng 10 năm 2019, ký giữa ông Hoàng N và bà Hoàng Thị Đ với Ngân hàng BIDV, đã được công chứng tại Văn phòng Công chứng Nhất Tín ngày 16/10/2019, số công chứng: 6692, Quyền số 10/2019TP/CC-SCC/HĐGD; đăng ký thế chấp ngày 17/10/2019 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thị xã B; Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2019/13138262/HĐTC ngày 17/10/2019 được ký giữa ông Hoàng N và bà Hoàng Thị Đ với Ngân hàng BIDV, đã được chứng thực tại UBND xã Q ngày 17/10/2019, số chứng thực: 109/2019 để thế chấp cho Ngân hàng BIDV.

Ngày 09/06/2021, bà Hoàng Thị Đ đã ký với Ngân hàng BIDV Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số 01/2019/13138262/VBSĐ để điều chỉnh các kỳ trả nợ gốc, lãi đến hạn trong năm 2021.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Hoàng Thị Đ đã trả nợ cho Ngân hàng B tổng số tiền là 183.231.397 đồng (trong đó: nợ gốc 112.950.000 đồng; nợ lãi 70.002.083 đồng; phí trả chậm 379.314 đồng). Từ ngày 01/01/2021, bà Hoàng Thị Đ vi phạm nghĩa vụ trả nợ, không thực hiện đúng các thỏa thuận, cam kết tại các Hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng B và để phát sinh nợ quá hạn với tổng dư nợ tạm tính đến ngày 21/12/2023 là: 363.050.000 đồng (trong đó: gốc 287.050.000 đồng, lãi 66.372.668 đồng, phí trả chậm 9.604.365 đồng). Vì vậy, để đảm bảo việc thu hồi nợ vay cho Nhà nước, Ngân hàng B khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân Thị xã B, tỉnh Quảng Bình, buộc bà Hoàng Thị Đ và Bên kế thừa nghĩa vụ của ông Hoàng N thanh toán ngay cho Ngân hàng BIDV số tiền tính đến ngày 15/5/2024 là 377.617.088 đồng (trong đó: gốc 287.050.000 đồng, lãi 77.161.029 đồng, phí trả chậm là 13.406.059 đồng) và toàn bộ số tiền lãi và phí phát sinh theo thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng đã ký giữa ông Hoàng N và bà Hoàng Thị Đ với Ngân hàng B cho đến ngày bà Hoàng Thị Đ và bên kế thừa nghĩa vụ của ông Hoàng N trả hết nợ vay cho Ngân hàng.

Trường hợp bà Hoàng Thị Đ và bên kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Hoàng N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi và phí cho Ngân hàng, thì Ngân hàng B đề nghị Tòa án tuyên xử lý các tài sản bảo đảm nêu trên để thu hồi nợ vay. Nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán hết dư nợ vay thì bà Hoàng Thị Đ và bên kế thừa quyền và nghĩa của ông Hoàng N có nghĩa vụ tiếp tục sử dụng mọi tài sản và thu nhập hợp pháp khác để thanh toán hết số tiền còn lại cho Ngân hàng

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bà Hoàng Thị Đ trình bày:

Ngày 16/10/2019, vợ chồng bà đã ký với Ngân hàn B, Hợp đồng tín dụng số 01/2019/13138262/HĐTD để vay số tiền 400.000.000 đồng; thời hạn vay: 60 tháng; mục đích: thanh toán tiền mua sắm trang thiết bị trong gia đình.

Để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ, vợ chồng bà đã ký Hợp đồng thế chấp tài sản để thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số L716009, số phát hành: L 716009, số vào sổ cấp GCN: 00023QSDĐ/366QĐ/UB do UBND huyện Quảng Trạch cấp ngày 11/04/2000 cho ông Hoàng Nhân để thế chấp cho Ngân hàng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, vợ chồng bà đã trả nợ tổng số tiền 183.231.397 đồng (trong đó: gốc 112.950.000 đồng; lãi 70.002.083 đồng; phí trả chậm trả 379.314 đồng). Tính đến ngày 21/12/2023, vợ chồng bà còn dư nợ tại Ngân hàn BIDV là: 363.050.000 đồng (trong đó: gốc 287.050.000 đồng, lãi 66.372.668 đồng, phí chậm trả là 9.604.365 đồng). Hiện tại chồng bà đã chết nên kinh tế gia đình rất khó khăn, bà xin ngân hàng cho gia đình bà trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng tiền gốc và xin Ngân hàng giảm lãi.

Theo trình bày của bà Hoàng Thị Đ và Trích lục khai tử số 18/TLKT ngày 28/7/2020 của UBND xã Q, xác định: ông Hoàng N đã chết vào ngày 24/7/2020; thừa kế di sản của ông Hoàng N gồm có bà Hoàng Thị Đ (vợ) và các con là anh Hoàng Văn V, anh Hoàng Văn Đ, anh Hoàng Văn A; chị Hoàng Thị G; chị Hoàng Thị B. Tuy nhiên, những người con này đi làm ăn xa, bà Đ không biết rõ địa chỉ cụ thể, thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú nên không thể tổng đạt được các văn bản tố tụng của Tòa án. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện ngân hàng B yêu cầu Tòa án buộc bà Hoàng Thị Đ có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 15/5/2024 là 377.617.088 đồng (trong đó: gốc 287.050.000 đồng, lãi 77.161.029 đồng, phí trả chậm là 13.406.059 đồng).

Tại phiên tòa, bà Hoàng Thị Đ yêu cầu Tòa án xem xét cho gia đình bà được trả nợ dần, vì hoàn cảnh khó khăn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Toà án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, không có vấn đề gì vi phạm. Nguyên đơn và bị đơn đã tuân thủ nghiêm chỉnh sự triệu tập của Tòa án, thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71

và 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không chấp hành theo sự triệu tập của Tòa án, làm kéo dài thời hạn giải quyết vụ án.

- Về nội dung: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 157, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 318, 319, 320, 322, 463, 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng ngân hàng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

+ Xét xử vắng mặt người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Hoàng Văn V, anh Hoàng Văn Đ, anh Hoàng Văn A, chị Hoàng Thị G, chị Hoàng Thị B

+ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng B, buộc bà Hoàng Thị Đ trả toàn bộ số nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày xét xử (15/5/2024) 377.617.088 đồng (trong đó: gốc 287.050.000 đồng, lãi 77.161.029 đồng, phí trả chậm là 13.406.059 đồng) và các khoản lãi, phí phạt phát sinh cho đến khi thanh toán hết nợ gốc cho ngân hàng B

Trường hợp bà Hoàng Thị Đ không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng B được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2019/13138262/HĐBĐ ngày 16 tháng 10 năm 2019 và Hợp đồng ủy quyền xử lý tài sản số 01/2019/3138262/HĐUQ ngày 16 tháng 10 năm 2019 đã ký kết để thu hồi nợ.

+ Về án phí và chi phí tố tụng: Buộc bị đơn chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và án phí theo quy định; hoàn trả cho Ngân hàng B số tiền tạm ứng án phí đã nộp

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự, trên cơ sở kết quả thẩm tra và tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền: Ngân hàng B khởi kiện bà Hoàng Thị Đ và người kế thừa nghĩa vụ của ông Hoàng N để yêu cầu trả số tiền vay gốc và lãi theo hợp đồng mà hai bên đã ký kết. Hiện tại ông N đã chết, bà Đ và những người kế thừa nghĩa vụ của ông Hoàng N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vì vậy, theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

- Xác định tư cách tham gia tố tụng:

Ngân hàng khởi kiện bà Hoàng Thị Đ và những người kế thừa nghĩa vụ của ông Hoàng N yêu cầu trả nợ nhưng do ông Hoàng N chết năm 2020. Tài sản mà ông Nhân và bà Đ thế chấp cho ngân hàng BIDV là thửa đất số 268 tờ bản đồ số

4, diện tích 100m², được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 716009, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 10023QSDĐ, do Ủy ban nhân dân huyện Q (nay là thị xã B) cấp ngày 11/4/2000 cho ông Hoàng Nhân và tài sản là nhà ở cấp 4 tại thôn V, xã Q, huyện Q (nay là thị xã B), tỉnh Quảng Bình, được xây dựng trên thửa đất đã ký thế chấp với Ngân hàng B, đây là tài sản chung của ông Hoàng N và bà Hoàng Thị Đ. Ông Hoàng N đã chết (chết ngày 24/7/2020), không để lại di chúc. Do vậy di sản thừa kế của ông Hoàng N để lại là 1/2 giá trị tài sản trong khối tài sản chung với bà Hoàng Thị Đ. Đồng thừa kế theo pháp luật của ông Hoàng N gồm các con là anh Hoàng Văn V, anh Hoàng Văn Đ, anh Hoàng Văn A, chị Hoàng Thị G, chị Hoàng Thị B, được xác định là người thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại theo Điều 615 Bộ luật Dân sự. Những người này không thuộc trường hợp từ chối nhận di sản theo quy định tại Điều 620 Bộ luật Dân sự nên được xác định là người thừa kế theo pháp luật và được Tòa án xác định là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về sự vắng mặt của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Tại phiên tòa vắng mặt những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Hoàng Văn V, anh Hoàng Văn Đ, anh Hoàng Văn A, chị Hoàng Thị G, chị Hoàng Thị B nhưng họ đã được triệu tập họp lệ hai lần vắng mặt không rõ lý do. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, xét xử vụ án vắng mặt những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[2] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Xét Hợp đồng tín dụng số 01/2019/13138262/HĐTD ngày 16/10/2019 và Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số 01/2019/13138262/VBSD ngày 09/6/2021 để điều chỉnh các kỳ trả nợ gốc, lãi đến hạn trong năm 2021, được ký kết giữa Ngân hàng B với ông Hoàng N, bà Hoàng Thị Đ về hình thức và nội dung đều tuân thủ theo đúng quy định tại các Điều 116, 117, 398 Bộ luật Dân sự. Vì vậy, đây là hợp đồng hợp pháp, là căn cứ để giải quyết về quyền và nghĩa vụ của các bên. Theo đó, ngân hàng đã giải ngân cho ông N, bà Đ vay tại Hợp đồng 01/2019/13138262/HĐTD ngày 16/10/2019 với số tiền là 400.000.000 đồng. Quá trình thực hiện Hợp đồng bà Đảo chỉ trả được số tiền 183.231.397 đồng (trong đó: nợ gốc 112.950.000 đồng; nợ lãi 70.002.083 đồng; phí trả chậm 379.314 đồng). Mặc dù Ngân hàng B đã nhiều lần thông báo nợ quá hạn nhưng bà Đảo vẫn cố tình không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tính đến ngày 15/5/2024, bà Đảo còn dư nợ tại Ngân hàng B tổng số tiền là 377.617.088 đồng (trong đó: gốc 287.050.000 đồng, lãi 77.161.029 đồng, phí trả chậm là 13.406.059 đồng). Vì vậy, bà Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, vi phạm Hợp đồng đã ký kết, làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Ngân hàng B. Do đó, ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Đảo phải trả toàn bộ số nợ gốc, nợ lãi tính đến ngày 15/5/2024

với tổng số tiền 377.617.088 đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng ngân hàng nên cần được chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp:

Để đảm bảo cho khoản vay, ông Hoàng N, bà Hoàng Thị Đ đã ký Hợp đồng thế chấp số 01/2019/13138262/HĐBĐ ngày 16 tháng 10 năm 2019, Hợp đồng ủy quyền xử lý tài sản số 01/2019/3138262/HĐUQ ngày 16 tháng 10 năm 2019; Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2019/13138262/HĐTC ngày 17/10/2019 với ngân hàng B.

Xét thấy, về hình thức và nội dung của các Hợp đồng thế chấp nhằm đảm bảo các khoản vay giữa các bên đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng các quy định của pháp luật cũng như sự tự nguyện thoả thuận giữa các bên. Do đó, trường hợp bà Đ không trả được số nợ gốc và lãi phát sinh thì Ngân hàng BIDV được quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự kê biên, phát mãi các tài sản gồm: thửa đất số 268 tờ bản đồ số 4, diện tích 100m², tại thôn Văn Phú, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 716009, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 10023QSĐĐ, do Ủy ban nhân dân huyện Q (nay là thị xã B) cấp ngày 11/4/2000 cho ông Hoàng N và nhà ở được xây dựng trên thửa đất đã ký thế chấp với Ngân hàng B

[4] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận toàn bộ nên Ngân hàng không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Buộc bị đơn bà Hoàng Thị Đ phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

[5] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ hết tổng số tiền 3.000.000 đồng, Ngân hàng B đã nộp tạm ứng với số tiền 3.000.000 đồng. Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được Hội đồng xét xử chấp nhận nên Ngân hàng B không phải nộp tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, bà Hoàng Thị Đ phải nộp toàn bộ chi phí này theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Do đó, buộc bà Hoàng Thị Đ phải có nghĩa vụ hoàn trả số tiền 3.000.000 đồng cho Ngân hàng B.

[6] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thị xã B về giải quyết vụ án là phù hợp, có cơ sở nên cần chấp nhận.

[7] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 68; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 116, 117,

119, 317, 319, 320, 323, 398, 613, 614, 615, 658 Bộ luật Dân sự; các Điều 91, 95 Luật tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định “Về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”. Tuyên xử:

1. Xét xử vụ án vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Hoàng Văn V, anh Hoàng Văn Đ, anh Hoàng Văn A, chị Hoàng Thị G, chị Hoàng Thị B

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T. Buộc bà Hoàng Thị Đ có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng T tổng số tiền là 377.617.088 đồng (trong đó: gốc 287.050.000 đồng, lãi 77.161.029 đồng, phí trả chậm là 13.406.059 đồng).

“Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm (15/5/2024), bà Hoàng Thị Đ còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng đã ký kết”

3. Về xử lý tài sản thế chấp:

Trường hợp bà Hoàng Thị Đ không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, thì ngân hàng T có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi các tài sản đã thế chấp sau đây để thu hồi toàn bộ nợ, cụ thể: Thửa đất số 268 tờ bản đồ số 4, diện tích 100m², tại thôn V, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 716009, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 10023QSDĐ, do Ủy ban nhân dân huyện Q (nay là thị xã B) cấp ngày 11/4/2000 cho ông Hoàng N và 01 ngôi nhà cấp 4, diện tích xây dựng 84,4m² được xây dựng trên thửa đất, theo Hợp đồng thế chấp số 01/2019/13138262/HĐBĐ ngày 16 tháng 10 năm 2019; Hợp đồng ủy quyền xử lý tài sản số 01/2019/3138262/HĐUQ ngày 16 tháng 10 năm 2019; Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2019/13138262/HĐTC ngày 17/10/2019 được ký giữa ông Hoàng N và bà Hoàng Thị Đ với ngân hàng T.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Hoàng Thị Đ phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên tổng số tiền phải trả cho ngân hàng là 18.880.854 đồng (*Mười tám triệu, tám trăm tám mươi nghìn, tám trăm năm mươi tư đồng*). Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí 8.624.000 đồng (*Tám triệu, sáu trăm hai mươi tư nghìn đồng*) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003706 ngày 30/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Quảng Bình cho ngân hàng T.

5. Chi phí tố tụng: buộc ông bà Hoàng Thị Đ phải có nghĩa vụ hoàn trả số tiền 3.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ cho Ngân hàng T .

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (15/5/2024); người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã B
- Chi cục THADS thị xã B;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Tưởng Thị Hà